

Số: 434/TTr-BKHCN

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2023

TỜ TRÌNH

Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận chuyên giao công nghệ khuyến khích chuyên giao

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 48/QĐ-TTg ngày 03/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2023 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận chuyên giao công nghệ khuyến khích chuyên giao.

Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định với các nội dung cơ bản sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Để thực hiện chủ trương khuyến khích phát triển dự án đầu tư có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các chính sách ưu đãi đầu tư, trong đó có chính sách ưu đãi đối với dự án đầu tư có chuyên giao công nghệ khuyến khích chuyên giao, cụ thể như sau:

1. Theo quy định của pháp luật về đầu tư

- Điều 15 Luật Đầu tư quy định hình thức và đối tượng áp dụng ưu đãi đầu tư, trong đó tại điểm đ khoản 2 Điều 15 bao gồm: “...*dự án có chuyên giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyên giao theo quy định của pháp luật về chuyên giao công nghệ...*”.

- Khoản 5 Điều 19 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 22/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (sau đây viết tắt là Nghị định số 31/2021/NĐ-CP) quy định đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư, bao gồm: “...*dự án có chuyên giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyên giao... được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 15 Luật Đầu tư là các doanh nghiệp, tổ chức, cơ sở, dự án đầu tư đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ; công nghệ cao; chuyên giao công nghệ...*”.

- Điều 20 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP quy định nguyên tắc áp dụng ưu đãi đầu tư, tại điểm d khoản 6 quy định: “Thủ tướng Chính phủ quyết định mức, thời gian ưu đãi đầu tư đặc biệt theo các tiêu chí về công nghệ cao, *chuyên giao công nghệ*, doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi, giá trị sản xuất trong nước đối với các dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư”.

- Điều 23 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP quy định thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư, trong đó tại điểm đ khoản 3 quy định căn cứ áp dụng ưu đãi đầu tư: “Đối với dự án có chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao là Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của Thủ tướng Chính phủ”.

- Khoản 6 Điều 3 Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg ngày 06/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt (sau đây viết tắt là Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg) quy định tiêu chí về chuyển giao công nghệ như sau:

“a) Chuyển giao công nghệ mức 1

- Được cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;

- Thực hiện chuyển giao công nghệ cho dưới 03 doanh nghiệp Việt Nam trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc thỏa thuận bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chuyển giao công nghệ mức 2

- Được cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;

- Thực hiện chuyển giao công nghệ cho từ 03 doanh nghiệp Việt Nam trở lên trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc thỏa thuận bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

- Khoản 2, 3 Điều 5 Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg quy định ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

“2. Thuế suất ưu đãi 7% trong thời gian 33 năm áp dụng đối với thu nhập từ dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp sau:

b) Dự án đầu tư thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư và đáp ứng một trong bốn tiêu chí sau:

...- Đáp ứng tiêu chí chuyển giao công nghệ mức 1.

3. Thuế suất ưu đãi 5% trong thời gian 37 năm áp dụng đối với thu nhập từ các hoạt động của đối tượng hoặc dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp sau:

b) Dự án đầu tư thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư và đáp ứng một trong bốn tiêu chí sau:

...- Đáp ứng tiêu chí chuyển giao công nghệ mức 2”.

- Các khoản 2, 3 Điều 6 Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg quy định ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

“2. Miễn thuế 6 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 12 năm tiếp theo đối với thu nhập của tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy

định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định này.

3. Miễn thuế 6 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 13 năm tiếp theo đối với thu nhập từ các hoạt động của đối tượng hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định này”.

- Các khoản 2, 3 Điều 6 Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg quy định ưu đãi tiền thuê đất, thuê mặt nước như sau:

“2. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 20 năm và giảm 65% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại đối với tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định này.

3. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 22 năm và giảm 75% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại đối với đối tượng hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định này”.

Như vậy, theo các quy định của pháp luật về đầu tư, đối tượng được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư là: (1) Dự án có chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 15 Luật Đầu tư; (2) Dự án thực hiện chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao cho doanh nghiệp Việt Nam để được áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư. Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao là một trong những điều kiện để dự án đầu tư được hưởng ưu đãi đầu tư.

2. Theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ và pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp

- Khoản 4 Điều 39 Luật Chuyển giao công nghệ quy định đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật về thuế gồm: “*Tổ chức, cá nhân chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao*”.

- Khoản 11 Điều 14 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 32/2013/QH13 quy định thu nhập được miễn thuế: “*Thu nhập từ chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn*”.

- Khoản 3 Điều 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định các trường hợp giảm thuế khác: “*Doanh nghiệp thực hiện chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên phần thu nhập từ chuyển giao công nghệ*”.

Như vậy, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ và pháp luật về thuế, các doanh nghiệp thực hiện chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc khó khăn sẽ được miễn hoặc giảm 50% thuế thu nhập tính trên phần thu nhập từ chuyển giao công nghệ, kể cả trường hợp chuyển giao công nghệ cho các tổ chức, cá nhân đầu tư vào Khu công nghệ cao, Khu kinh tế, hoặc Khu

công nghiệp (được hưởng chính sách ưu đãi tương đương với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc khó khăn).

Hiện nay, pháp luật về chuyển giao công nghệ mới chỉ quy định cấp Giấy chứng nhận *đăng ký* chuyển giao công nghệ¹, chưa có quy định cụ thể về cấp Giấy chứng nhận *chuyển giao công nghệ* khuyến khích chuyển giao.

Vì vậy, việc nghiên cứu, xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao là cấp thiết để triển khai chính sách ưu đãi đầu tư và thực hiện mục tiêu thu hút các dự án đầu tư có tác động lan tỏa, nâng cao trình độ, năng lực công nghệ trong nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Đồng thời, quy định sẽ góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý để thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ và Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Mục đích

Quy định về thẩm quyền, hồ sơ, trình tự, thủ tục xem xét, thẩm định cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao cho dự án đầu tư thực hiện chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao cho các doanh nghiệp Việt Nam; hoặc các tổ chức, cá nhân có thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao làm cơ sở để thực hiện các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về chuyển giao công nghệ và pháp luật về thuế.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Quyết định

- Phù hợp với định hướng của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ khuyến khích chuyển giao và có sức lan tỏa đến các doanh nghiệp trong nước.

- Bảo đảm tính đầy đủ, thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư và chuyển giao công nghệ.

- Các quy định có tính khả thi cao, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và định hướng thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam; tương thích với các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia như trong các hiệp định của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), các Hiệp định song phương (BIT), Hiệp định Bảo hộ đầu tư Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVIPA) và các điều khoản về đầu tư trong các Hiệp định thương mại tự do (FTA) như Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) và Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

¹ Điều 31 Luật Chuyển giao công nghệ và Điều 5, Điều 6 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Trong quá trình triển khai xây dựng dự thảo Quyết định, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổng hợp hoạt động đăng ký chuyển giao công nghệ kể từ khi Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 có hiệu lực đến nay, đồng thời, phân tích đánh giá tổng quát về công tác thẩm định, cấp Giấy chứng đăng ký chuyển giao công nghệ và các quy định của pháp luật liên quan để xây dựng dự thảo văn bản².

Trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Quyết định được thực hiện đúng theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, cụ thể:

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Quyết định số 1274/QĐ-BKHCN ngày 15/7/2022 thành lập Tổ soạn thảo xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao gồm đại diện các bộ, ngành có liên quan.

2. Ngày 06/10/2022, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức Hội thảo các thành viên Tổ soạn thảo và chuyên gia để thống nhất nội dung dự thảo Quyết định.

3. Ngày 21/10/2022, Bộ Khoa học và Công nghệ đã đăng tải dự thảo Quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Bộ và gửi đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ để lấy ý kiến góp ý rộng rãi.

4. Ngày 21/10/2022, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Công văn số 2982/BKHCN-ĐTĐG gửi các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội doanh nghiệp có liên quan để lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo Quyết định.

5. Ngày 21/12/2022, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức Hội thảo để lấy ý kiến trực tiếp của các bộ, ngành, hiệp hội, doanh nghiệp và các chuyên gia. Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Bộ Khoa học và Công nghệ đã chỉnh sửa, bổ sung dự thảo Quyết định.

6. Ngày Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Công văn số...../BKHCN-ĐTĐG gửi Bộ Tư pháp hồ sơ dự thảo Quyết định, đề nghị thẩm định.

7. Sau khi nhận được ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Quyết định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

² Từ ngày 01/8/2018 (thời điểm Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 có hiệu lực thi hành) đến ngày 01/6/2022, Bộ Khoa học và Công nghệ đã cấp 113 Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, trong đó có 67 Giấy chứng nhận đăng ký mới và 46 Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung; các địa phương (trên toàn quốc) đã cấp 292 Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, trong đó có 183 Giấy chứng nhận đăng ký mới và 109 Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung. Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ khoảng 91.000 tỷ đồng (giá trị tạm tính theo tỷ lệ % doanh thu và quy đổi ngoại tệ tại thời điểm tháng 6/2022).

Số lượng Giấy chứng nhận đăng ký nêu trên khá ít so với thực tế hoạt động chuyển giao công nghệ do Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 chỉ bắt buộc đăng ký chuyển giao công nghệ đối với 03 trường hợp: chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam; chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài và chuyển giao công nghệ trong nước có sử dụng vốn Nhà nước hoặc ngân sách Nhà nước.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Bố cục

Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ gồm 08 điều và Phụ lục, quy định về những nội dung chủ yếu sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận

Điều 3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận, gồm:

- Khoản 1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận;
- Khoản 2. Trình tự, thủ tục xem xét, thẩm định hồ sơ;

Điều 4. Thời điểm thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận và hiệu lực của Giấy chứng nhận

Điều 5. Thu hồi, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận

Điều 6. Kinh phí thực hiện

Điều 7. Chế độ báo cáo và kiểm tra

Điều 8. Điều khoản thi hành

Phụ lục. Ban hành các mẫu văn bản:

- Mẫu số 01. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao;

- Mẫu số 02. Thuyết minh nội dung chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao;

- Mẫu số 03. Biên bản kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao;

- Mẫu số 04. Phiếu ý kiến thành viên Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao;

- Mẫu số 05. Biên bản họp Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ;

- Mẫu số 06. Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao;

- Mẫu số 07. Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao;

- Mẫu số 08. Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Quyết định

2.1. Quy định về thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận:

Theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ, thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ do cơ quan quản lý về khoa học và

công nghệ thực hiện và được phân cấp theo phạm vi quản lý nhà nước được giao.

Trong dự thảo Quyết định, Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao được đề xuất tương ứng với cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, bao gồm: (1) Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao cho tổ chức, doanh nghiệp, dự án đầu tư có chuyển giao công nghệ thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan trung ương và dự án đầu tư thuộc đối tượng áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại Điều 20 Luật Đầu tư; (2) Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao đối với tổ chức, cá nhân chuyển giao công nghệ cho dự án đầu tư tại địa phương và không thuộc trường hợp do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận.

2.2. Quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục:

Theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, việc đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ được thực hiện trong thời gian 90 ngày kể từ ngày các bên ký kết thỏa thuận chuyển giao công nghệ (mà chưa cần triển khai các nội dung chuyển giao). Việc thẩm định hồ sơ đăng ký chuyển giao công nghệ dựa trên thông tin tài liệu do tổ chức, cá nhân đăng ký cung cấp, mà không cần phải kiểm tra đánh giá thực tế.

Tuy nhiên, việc cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao là một trong những điều kiện để doanh nghiệp, dự án đầu tư được hưởng ưu đãi đầu tư. Do vậy, cần phải có căn cứ để xác nhận việc chuyển giao công nghệ đã được tiến hành trong thực tiễn và có sản phẩm là kết quả của hoạt động chuyển giao công nghệ. Chính vì vậy, dự thảo Quyết định được xây dựng theo hướng việc chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao không chỉ được giao kết bằng văn bản mà phải được triển khai thực hiện trong thực tế tại bên nhận chuyển giao.

Việc thẩm định để xác định công nghệ có thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao hay không được thực hiện thông qua Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ. Hội đồng thẩm định sẽ tiến hành kiểm tra thực tế và họp để xem xét, đánh giá việc doanh nghiệp, dự án đầu tư đã triển khai các nội dung chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao quy định tại Nghị định số 76/018/NĐ-CP hay chưa. Trên cơ sở đó, Hội đồng thẩm định tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao. Quy định này nhằm bảo đảm chính sách ưu đãi được thực hiện đúng đối tượng và loại trừ trường hợp mới chỉ ký kết văn bản thỏa thuận chuyển giao công nghệ mà chưa triển khai việc chuyển giao trên thực tế và chưa có kết quả của việc chuyển giao.

2.3. Quy định về hiệu lực của Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao:

Thỏa thuận chuyển giao công nghệ thường có hiệu lực trong thời gian dài. Trong quá trình thực hiện chuyển giao công nghệ, nếu phát sinh các nội dung mới về bản quyền công nghệ hoặc cần thiết thay đổi hình thức, phương thức chuyển giao công nghệ, các bên sẽ ký kết sửa đổi, bổ sung thỏa thuận chuyển giao công nghệ. Các quy định về ưu đãi, hỗ trợ chuyển giao công nghệ không quy định các bên phải hoàn thành thỏa thuận chuyển giao công nghệ, chỉ cần các nội dung chuyển giao công nghệ được triển khai và có sản phẩm của công nghệ chuyển giao thì đã thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi, hỗ trợ. Đồng thời, tùy nội dung thỏa thuận, đối tượng cụ thể, thời gian ưu đãi, hỗ trợ sẽ khác nhau.

Do đó, dự thảo Quyết định được thiết kế theo hướng Giấy chứng nhận có hiệu lực kể từ ngày cấp và không quy định thời điểm hết hiệu lực, trừ trường hợp trong thỏa thuận chuyển giao công nghệ có quy định về thời hạn chuyển giao công nghệ. Khi đó, Giấy chứng nhận có giá trị hiệu lực đến thời điểm kết thúc quyền sử dụng công nghệ chuyển giao.

Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao có thể bị hủy bỏ hiệu lực nếu vi phạm một trong các điều cấm quy định tại Điều 12 của Luật Chuyển giao công nghệ. Trong trường hợp này toàn bộ các ưu đãi, hỗ trợ đã được hưởng sẽ bị thu hồi (hoàn trả ngân sách nhà nước) theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP.

2.4. Quy định về sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao:

Trong quá trình triển khai chuyển giao công nghệ có thể phát sinh thay đổi nội dung thỏa thuận chuyển giao công nghệ. Do đó, cần thiết phải quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục và thẩm quyền xem xét, cấp Giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao.

Dự thảo quy định thẩm quyền, hồ sơ, trình tự, thủ tục xem xét, cấp Giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao được quy định tương tự như thủ tục xem xét, cấp Giấy chứng nhận. Tuy nhiên, có thể rút gọn đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nhưng không thay đổi công nghệ, sản phẩm của công nghệ được chuyển giao.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

1. Về phạm vi điều chỉnh và thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao

Như đã trình bày ở trên, Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao là cơ sở để thực hiện ưu đãi, hỗ trợ cho các dự án đầu tư có chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định tại Điều 15 Luật Đầu tư và thực hiện ưu đãi đầu tư đặc biệt đối với dự án đầu tư có chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định tại Điều 20 Luật Đầu tư. Đồng thời, Giấy chứng nhận này cũng là cơ sở để các tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển giao, hoặc nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ.

Do vậy, dự thảo Quyết định quy định thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao do Bộ Khoa học và Công nghệ và Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp.

Có ý kiến cho rằng, chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật chuyển giao công nghệ hiện hành chỉ áp dụng đối với trường hợp chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao tại vùng kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn (hoặc tương đương). Tuy nhiên, thực tế cho thấy, rất ít khả năng có chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao tại vùng kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn. Đến thời điểm hiện nay, chưa có trường hợp nào đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao tại vùng kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn. Do vậy, dự thảo Quyết định chỉ nên áp dụng đối với đối tượng là Dự án thực hiện chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao cho doanh nghiệp Việt Nam để được áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư. Trong trường hợp này, chỉ quy định Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan cấp Giấy chứng nhận và không cần phân cấp cho cấp Sở vì đối tượng thực hiện ít và thẩm quyền xem xét, quyết định ưu đãi đầu tư đặc biệt thuộc về Thủ tướng Chính phủ.

Dự thảo Quyết định hiện đang quy định theo phương án thứ nhất và Bộ Khoa học và Công nghệ xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao để phục vụ xem xét ưu đãi đầu tư đặc biệt theo quy định của pháp luật đầu tư và ưu đãi về chuyển giao công nghệ tại vùng kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ và pháp luật về thuế.

2. Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao

Dự thảo được xây dựng theo phương án cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành đánh giá thực tế hoạt động chuyển giao công nghệ (khi các nội dung chuyển giao công nghệ được triển khai và có sản phẩm của công nghệ chuyển giao đó) sau đó mới cấp Giấy chứng nhận. Điều này có sự khác biệt so với quy trình cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ (thẩm định dựa trên thông tin tài liệu do tổ chức, cá nhân đăng ký cung cấp, mà không cần phải kiểm tra đánh giá thực tế).

Theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ cũng là một trong những căn cứ để doanh nghiệp được nhận các hỗ trợ, ưu đãi từ Nhà nước. Khi Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ bị hủy bỏ hiệu lực thì tổ chức, cá nhân “được hưởng các hỗ trợ, ưu đãi từ việc chuyển giao công nghệ có trách nhiệm hoàn trả ngân sách nhà nước toàn bộ các khoản hỗ trợ, ưu đãi đã hưởng” (theo khoản 1 Điều 7 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP của Chính phủ). Trong khi đó trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận này chỉ là kiểm tra hồ sơ mà không cần kiểm tra thực tế.

Có ý kiến cho rằng, Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ và Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao trong một số trường hợp có tính chất tương tự nhau (là căn cứ để hưởng ưu đãi, hỗ trợ). Do đó, việc thiết kế quy trình, thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo hướng kiểm tra thực tế việc chuyển giao công nghệ sẽ phức tạp hơn và không cần thiết.

Theo quan điểm của Bộ Khoa học và Công nghệ, việc cấp giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao cấp cần tuân theo thủ tục chặt chẽ để tránh việc lợi dụng quy định hưởng ưu đãi khi không có hoạt động chuyển giao công nghệ trên thực tế.

Mặt khác, theo quy định tại khoản 6 Điều 15 của Luật Đầu tư “Ưu đãi đầu tư được áp dụng có thời hạn và trên cơ sở kết quả thực hiện dự án của nhà đầu tư. Nhà đầu tư phải đáp ứng điều kiện hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật trong thời gian hưởng ưu đãi đầu tư”.

Dự thảo Quyết định đang được thiết kế theo phương án việc thẩm định cấp Giấy chứng nhận cần phải có thủ tục kiểm tra, đánh giá thực tế để xác nhận bên nhận chuyển giao đã triển khai áp dụng và sản xuất ra sản phẩm công nghệ được chuyển giao. Bộ Khoa học và Công nghệ xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định có thủ tục kiểm tra, đánh giá thực tế trước khi xem xét cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao.

Trên đây là nội dung cơ bản của dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao, Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Xin gửi kèm theo Tờ trình các tài liệu:

1. Dự thảo Quyết định;
2. Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp;
3. Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp;
4. Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo quyết định;
5. Bản đánh giá tác động thủ tục hành chính;
6. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Các Bộ: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư (để phối hợp);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐTG.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Xuân Định